

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THẾ GIỚI SỐ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
---o0o---

Số: 05/03-2017/BĐH/DGW

TP.HCM, ngày 27 tháng 03 năm 2017

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh  
riêng sau kiểm toán năm 2016

**Kính gửi:** - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh

Đầu tiên, Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") xin gửi tới Quý Sở và Quý Ủy ban lời chào trân trọng và hợp tác.

Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2016 của Báo cáo tài chính riêng sau kiểm toán do Công ty lập ngày 27 tháng 03 năm 2017. Công ty giải trình nguyên nhân một số chỉ tiêu của báo cáo này năm 2016 giảm so với năm 2015 cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2015	Tăng/ giảm (%)	Nguyên nhân
Lợi nhuận sau thuế	64.779.052.064	103.763.384.787	(37.57%)	- Do sự sụt giảm doanh số bán hàng của nhãn Nokia/Microsoft  - Chi phí bán hàng tăng mạnh do Công ty gia tăng đội ngũ chuẩn bị cho việc phát triển kinh doanh trong thời gian tới.

Trân trọng.

**Nơi nhận**

- Như trên;
- Lưu BĐH.



**Đoàn Hồng Việt**

# **Công ty Cổ phần Thế Giới Số**

Báo cáo tài chính riêng

Ngày 31 tháng 12 năm 2016



# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán riêng	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	10 - 28

742  
IG T  
Ổ PH  
HỆ  
N 3

# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Chủ tịch
Bà Đặng Kiện Phương	Thành viên
Bà Tô Hồng Trang	Thành viên
Ông Đoàn Anh Quân	Thành viên
Ông Trần Bảo Minh	Thành viên

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Hoàng Thông	Trưởng ban
Ông Nguyễn Tuấn Thành	Thành viên
Bà Phan Ngọc Bích Hằng	Thành viên

### BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Đoàn Hồng Việt	Tổng Giám đốc
Bà Đặng Kiện Phương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Tô Hồng Trang	Phó Tổng Giám đốc

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Đoàn Hồng Việt.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán của Công ty.

# Công ty Cổ phần Thế Giới Số

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2016.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính của Công ty phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty là công ty mẹ của công ty con được trình bày tại Thuyết minh số 12 của báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất đã được phát hành riêng rẽ. Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất đã đề cập của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Giám đốc:



Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

Số tham chiếu: 61150429/18590608

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thế Giới Số**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Thế Giới Số (“Công ty”) được lập ngày 27 tháng 3 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 28, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng đi kèm.

### ***Trách nhiệm của Ban Giám đốc***

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### **Vấn đề cần nhấn mạnh**

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.1 của báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất này và báo cáo kiểm toán độc lập của chúng tôi đề ngày 27 tháng 3 năm 2017 đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi về báo cáo tài chính riêng không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Lê Vũ Trường  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1588-2013-004-1



Nguyễn Thanh Sang  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1541-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.217.514.312.474</b>	<b>1.170.507.052.965</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>	<b>4</b>	<b>32.221.251.711</b>	<b>30.935.444.507</b>
111	1. Tiền		32.221.251.711	30.935.444.507
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		<b>4.900.000.000</b>	<b>4.900.000.000</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	4.900.000.000	4.900.000.000
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>360.885.617.856</b>	<b>348.987.791.367</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	326.007.419.444	317.246.505.287
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	9.893.887.776	18.087.773.476
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	33.772.849.639	22.340.055.496
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(8.823.019.883)	(8.690.849.291)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý		34.480.880	4.306.399
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>8</b>	<b>714.275.506.872</b>	<b>669.576.016.876</b>
141	1. Hàng tồn kho		715.840.230.632	669.576.016.876
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.564.723.760)	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>105.231.936.035</b>	<b>116.107.800.215</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	3.997.643.556	16.334.943.484
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		101.234.292.479	99.772.856.731
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>88.713.562.678</b>	<b>85.220.502.475</b>
<b>210</b>	<b>I. Phải thu dài hạn</b>		<b>2.201.230.000</b>	<b>2.201.670.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	2.201.230.000	2.201.670.000
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>84.785.964.920</b>	<b>81.294.875.482</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	27.942.658.327	24.258.940.592
222	Nguyên giá		47.917.186.260	42.176.019.795
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(19.974.527.933)	(17.917.079.203)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	56.843.306.593	57.035.934.890
228	Nguyên giá		58.509.622.898	58.509.622.898
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.666.316.305)	(1.473.688.008)
<b>250</b>	<b>III. Đầu tư tài chính dài hạn</b>		<b>1.100.000.000</b>	<b>1.100.000.000</b>
251	1. Đầu tư vào công ty con	12	1.100.000.000	1.100.000.000
<b>260</b>	<b>IV. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>626.367.758</b>	<b>623.956.993</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		626.367.758	623.956.993
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.306.227.875.152</b>	<b>1.255.727.555.440</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>678.404.911.815</b>	<b>646.990.854.167</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>674.351.481.936</b>	<b>619.296.081.289</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	13.1	277.950.839.183	153.899.134.619
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13.2	10.236.510.898	3.962.290.337
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	5.627.978.311	5.754.714.116
314	4. Phải trả người lao động		19.935.402.684	15.231.247.178
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	1.132.756.697	1.871.363.656
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	16	16.898.960.477	15.670.346.860
320	7. Vay ngắn hạn	17	342.569.033.686	422.906.984.523
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>4.053.429.879</b>	<b>27.694.772.878</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	4.053.429.879	4.794.772.878
338	2. Vay dài hạn	17	-	22.900.000.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>627.822.963.337</b>	<b>608.736.701.273</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>18.1</b>	<b>627.822.963.337</b>	<b>608.736.701.273</b>
411	1. Vốn cổ phần		306.133.290.000	306.133.290.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		306.133.290.000	306.133.290.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		152.617.941.416	152.617.941.416
415	3. Cổ phiếu quỹ		(6.272.937.166)	(6.272.937.166)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		400.000.000	400.000.000
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		174.944.669.087	155.858.407.023
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		110.165.617.023	52.095.022.236
421b	- Lợi nhuận sau thuế năm nay		64.779.052.064	103.763.384.787
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.306.227.875.152</b>	<b>1.255.727.555.440</b>

Vũ Thị Mai Hân  
Người lập biểu

Võ Xuân Huy  
Kế toán trưởng



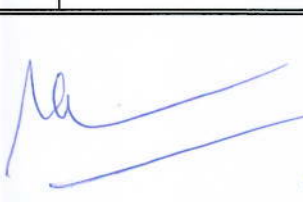
Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc


Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	19.1	3.844.412.724.272	4.246.389.580.916
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	(43.836.052.485)	(43.033.836.352)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	19.1	3.800.576.671.787	4.203.355.744.564
11	4. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	20	(3.559.815.014.525)	(3.938.889.355.570)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng		240.761.657.262	264.466.388.994
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	19.263.862.346	14.114.044.450
22	7. Chi phí tài chính	22	(27.891.556.617)	(40.204.938.068)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay	22	(22.795.497.881)	(23.133.793.052)
25	8. Chi phí bán hàng	21	(101.439.810.940)	(64.397.440.390)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(53.216.446.890)	(45.180.658.342)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		77.477.705.161	128.797.396.644
31	11. Thu nhập khác	23	5.927.452.997	6.038.138.573
32	12. Chi phí khác	23	(1.681.063.832)	(1.302.852.583)
40	13. Lợi nhuận khác	23	4.246.389.165	4.735.285.990
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		81.724.094.326	133.532.682.634
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25.1	(16.945.042.262)	(29.769.297.847)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		64.779.052.064	103.763.384.787

  
Vũ Thị Mai Hân  
Người lập biểu

  
Võ Xuân Huy  
Kế toán trưởng

  
Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc



Ngày 27 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>81.724.094.326</b>	<b>133.532.682.634</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	10, 11	4.003.934.985	3.251.675.859
03	Dự phòng		1.696.894.352	2.630.441.487
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		395.913.831	(209.967.963)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(574.266.666)	-
06	Chi phí lãi vay	22	22.795.497.881	23.133.793.052
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>110.042.068.709</b>	<b>162.338.625.069</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(13.443.470.656)	(51.408.750.169)
10	(Tăng) giảm hàng tồn kho		(46.264.213.756)	62.366.928.585
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		143.591.740.759	(126.981.399.031)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		12.334.889.163	(14.905.737.879)
14	Lãi vay đã trả		(23.193.483.167)	(23.689.981.675)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(17.132.113.431)	(36.205.763.301)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>165.935.417.621</b>	<b>(28.486.078.401)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(7.495.024.423)	(1.172.143.160)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		375.000.000	-
23	Tiền chi góp vốn vào công ty con		-	(1.100.000.000)
27	Tiền thu lãi tiền gửi		199.266.666	-
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(6.920.757.757)</b>	<b>(2.272.143.160)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ	18.1	-	193.646.400.000
33	Tiền thu từ đi vay		2.691.476.932.074	3.142.464.939.859
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(2.794.714.882.911)	(3.328.262.461.727)
36	Cổ tức đã trả		(54.492.790.000)	(14.632.200.000)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính</b>		<b>(157.730.740.837)</b>	<b>(6.783.321.868)</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		1.283.919.027	(37.541.543.429)
60	Tiền đầu năm		30.935.444.507	68.267.019.973
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.888.177	209.967.963
70	Tiền cuối năm	4	32.221.251.711	30.935.444.507

Vũ Thị Mai Hân  
Người lập biểu

Võ Xuân Huy  
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thế Giới Số ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103001456 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 2 năm 2003 và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là mua bán sản phẩm công nghệ phần mềm, máy vi tính và linh kiện, linh kiện điện tử; mua bán điện thoại, tổng đài điện thoại, máy điều hòa nhiệt độ; chuyển giao công nghệ thông tin, tự động điều khiển và cung cấp dịch vụ đại lý kỹ gởi hàng hóa.

Công ty có trụ sở đăng ký tại Lầu 8, Tòa nhà Ngân hàng Nam Á, số 201 – 203 Cách Mạng Tháng Tám, Phường 4, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có các chi nhánh tại Hà Nội, Đà Nẵng và Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 386 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 344).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng**

Công ty có công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 12. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và công ty con.

**2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

**2.4 Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**2.5 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

**3.2 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho (chủ yếu là hàng hóa) với giá trị được xác định theo chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng giảm giá hàng tồn kho*

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.3 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được vốn hóa và chi phí bảo trì, sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

**3.5 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán riêng khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ khi có thời gian sử dụng lâu dài.

**3.6 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao của tài sản cố định hữu hình và hao mòn của tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của mỗi tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 - 25 năm
Máy móc thiết bị	2 - 5 năm
Phương tiện vận tải	3 - 6 năm
Thiết bị văn phòng	2 - 3 năm
Phần mềm kế toán	6 năm

**3.7 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

**3.8 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.9 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư vào công ty con*

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phân thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.10 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Cổ phiếu quỹ**

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

**3.14 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

*Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

*Quỹ khen thưởng, phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

**3.15 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của khoản tiền nhận được, không bao gồm các khoản chiết khấu, giảm giá và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.16 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.16 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

**4. TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	127.165.372	250.379.529
Tiền gửi ngân hàng	32.094.086.339	30.685.064.978
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>32.221.251.711</b>	<b>30.935.444.507</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Khoản này thể hiện giá trị tiền gửi có kỳ hạn một năm vào Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam và hưởng lãi suất 4% một năm.

**6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

**6.1. Phải thu khách hàng ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	45.768.488.070	54.205.289.525
Công ty Cổ phần Thương mại Nguyễn Kim	23.264.833.716	8.814.798.145
Khác	<u>256.974.097.658</u>	<u>254.226.417.617</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>326.007.419.444</b>	<b>317.246.505.287</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	<u>(8.823.019.883)</u>	<u>(8.690.849.291)</u>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>317.184.399.561</u></b>	<b><u>308.555.655.996</u></b>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp một phần phải thu khách hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**6.2. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
CK Telecom (HongKong) Co., Ltd.	4.480.952.000	-
Công ty TNHH Sức Bạc	2.923.408.800	-
Invesia International Limited	-	11.319.444.647
Khác	<u>2.489.526.976</u>	<u>6.768.328.829</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>9.893.887.776</u></b>	<b><u>18.087.773.476</u></b>

**7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Ngắn hạn</b>		
Dragon Technology Distribution Pte. Ltd.	32.874.099.492	-
Tạm ứng cho nhân viên	496.558.805	411.802.147
Tổng Công ty Dịch vụ Viễn Thông	90.097.355	21.063.313.377
Khác	<u>312.093.987</u>	<u>864.939.972</u>
	<b><u>33.772.849.639</u></b>	<b><u>22.340.055.496</u></b>
<b>Dài hạn</b>		
Đặt cọc, ký quỹ	<u>2.201.230.000</u>	<u>2.201.670.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**8. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	540.219.030.384	614.963.940.334
Hàng mua đang đi đường	151.599.749.460	38.895.751.176
Hàng gửi đi bán	22.447.887.398	15.098.173.821
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.573.563.390	618.151.545
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>715.840.230.632</b>	<b>669.576.016.876</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(1.564.723.760)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>714.275.506.872</b>	<b>669.576.016.876</b>

Như đã trình bày trong Thuyết minh số 17, Công ty đã thế chấp một phần hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

**9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí hoạt động	3.158.474.139	14.848.940.279
Công cụ, dụng cụ	839.169.417	1.486.003.205
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.997.643.556</b>	<b>16.334.943.484</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Nhà cửa, vật kiến trúc</i>	<i>Máy móc thiết bị</i>	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>VND Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>					
Số đầu năm	21.183.180.735	2.145.916.525	16.059.938.106	2.786.984.429	42.176.019.795
Mua mới	-	-	7.495.024.423	-	7.495.024.423
Thanh lý	-	-	(1.753.857.958)	-	(1.753.857.958)
Số cuối năm	<u>21.183.180.735</u>	<u>2.145.916.525</u>	<u>21.801.104.571</u>	<u>2.786.984.429</u>	<u>47.917.186.260</u>
<i>Trong đó:</i>					
<i>Đã khấu hao hết</i>	-	261.401.632	4.245.887.468	2.733.284.429	7.240.573.529
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>					
Số đầu năm	(5.388.056.320)	(727.597.616)	(9.082.811.658)	(2.718.613.609)	(17.917.079.203)
Thanh lý	-	-	1.753.857.958	-	1.753.857.958
Khấu hao trong năm	<u>(853.605.095)</u>	<u>(385.016.155)</u>	<u>(2.530.907.572)</u>	<u>(41.777.866)</u>	<u>(3.811.306.688)</u>
Số cuối năm	<u>(6.241.661.415)</u>	<u>(1.112.613.771)</u>	<u>(9.859.861.272)</u>	<u>(2.760.391.475)</u>	<u>(19.974.527.933)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>					
Số đầu năm	<u>15.795.124.415</u>	<u>1.418.318.909</u>	<u>6.977.126.448</u>	<u>68.370.820</u>	<u>24.258.940.592</u>
Số cuối năm	<u>14.941.519.320</u>	<u>1.033.302.754</u>	<u>11.941.243.299</u>	<u>26.592.954</u>	<u>27.942.658.327</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất		Phần mềm máy tính	VND
				Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm và cuối năm	56.550.000.000	1.959.622.898	58.509.622.898	
<i>Trong đó:</i>				
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	806.035.023	806.035.023	
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	-	(1.473.688.008)	(1.473.688.008)	
Hao mòn trong năm	-	(192.628.297)	(192.628.297)	
Số cuối năm	-	(1.666.316.305)	(1.666.316.305)	
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	56.550.000.000	485.934.890	57.035.934.890	
Số cuối năm	56.550.000.000	293.306.593	56.843.306.593	

**12. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ sở hữu
	VND	%	VND	%
Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	1.100.000.000	100	-	-

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

**13.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dell Global B.V (Singapore Branch)	146.651.917.960	21.831.158.500
Asus Global Pte. Ltd.	51.938.871.042	30.185.973.198
Lenovo (Singapore) Pte. Ltd.	6.273.423.127	43.288.643.718
Khác	73.086.627.054	58.593.359.203
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>277.950.839.183</b>	<b>153.899.134.619</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 26)</i>	2.061.190.303	700.603.944

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**13. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC** (tiếp theo)

**13.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Mega Alliance Holdings Limited	3.916.659.490	-
Vision Best Holdings Limited	3.760.054.645	-
Khác	2.559.796.763	3.962.290.337
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>10.236.510.898</u></b>	<b><u>3.962.290.337</u></b>

**14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.445.358.043	16.945.042.262	(17.132.113.431)	5.258.286.874
Thuế thu nhập cá nhân	309.356.073	5.824.884.554	(5.764.549.190)	369.691.437
Thuế nhập khẩu	-	1.050.889.394	(1.050.889.394)	-
Khác	-	639.500.000	(639.500.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.754.714.116</u></b>	<b><u>24.460.316.210</u></b>	<b><u>(24.587.052.015)</u></b>	<b><u>5.627.978.311</u></b>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Lãi vay	478.979.693	876.964.979
Chiết khấu thương mại	-	714.517.936
Chi phí hoạt động	653.777.004	279.880.741
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.132.756.697</u></b>	<b><u>1.871.363.656</u></b>

**16. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Chi trả hộ	14.487.850.303	5.911.338.983
Phải trả Bảo hiểm Xã hội	1.285.975.178	840.826.059
Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 26)	-	8.800.000.000
Khác	1.125.134.996	118.181.818
	<b><u>16.898.960.477</u></b>	<b><u>15.670.346.860</u></b>
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	3.293.000.000	4.034.342.999
Khác	760.429.879	760.429.879
	<b><u>4.053.429.879</u></b>	<b><u>4.794.772.878</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

17. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	VND Số cuối năm
Ngắn hạn				
Vay ngân hàng	417.306.984.523	2.691.476.932.074	(2.766.214.882.911)	342.569.033.686
Vay dài hạn đến hạn trả	5.600.000.000	-	(5.600.000.000)	-
	<u>422.906.984.523</u>	<u>2.691.476.932.074</u>	<u>(2.771.814.882.911)</u>	<u>342.569.033.686</u>
Dài hạn				
Vay ngân hàng	22.900.000.000	-	(22.900.000.000)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>445.806.984.523</u></b>	<b><u>2.691.476.932.074</u></b>	<b><u>(2.794.714.882.911)</u></b>	<b><u>342.569.033.686</u></b>

17.1 Các khoản vay ngân hàng ngắn hạn

Công ty thực hiện các khoản vay này nhằm tài trợ nhu cầu vốn lưu động của Công ty. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VND	Ngày đến hạn	Lãi suất %/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội - Chi nhánh Sài Gòn	132.173.226.790	Từ 24 tháng 3 năm 2017 đến 29 tháng 4 năm 2017	Từ 4,7 đến 5,3	Một phần hàng tồn kho trị giá 100 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 120 tỷ VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh 1	121.097.349.286	Từ 17 tháng 3 năm 2017 đến 22 tháng 4 năm 2017	Từ 4,7 đến 5	Một phần hàng tồn kho trị giá 120 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 72 tỷ VND
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC Việt Nam	63.298.457.610	Từ 8 tháng 3 năm 2017 đến 29 tháng 3 năm 2017	Từ 4,2 đến 4,85	Tài sản cá nhân của một số cổ đông; một phần hàng tồn kho và các khoản phải thu khách hàng trị giá 6 triệu USD
Ngân hàng TNHH Một Thành viên ANZ (Việt Nam) - Chi nhánh Hồ Chí Minh	26.000.000.000	Từ 1 tháng 3 năm 2017 đến 5 tháng 3 năm 2017	Từ 5,3 đến 5,4	Một phần hàng tồn kho trị giá 147 tỷ VND và các khoản phải thu khách hàng trị giá 74 tỷ VND
	<b><u>342.569.033.686</u></b>			





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**18.1 Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu**

	VND					
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước</b>						
Số đầu năm	108.024.690.000	35.549.217.650	(82.850.613.400)	400.000.000	273.635.822.236	334.759.116.486
Tái phát hành cổ phiếu quỹ	-	117.068.723.766	76.577.676.234	-	-	193.646.400.000
Phát hành cổ phiếu thưởng	127.812.000.000	-	-	-	(127.812.000.000)	-
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	70.296.600.000	-	-	-	(70.296.600.000)	-
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(23.432.200.000)	(23.432.200.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	103.763.384.787	103.763.384.787
Số cuối năm	<u>306.133.290.000</u>	<u>152.617.941.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>155.858.407.023</u>	<u>608.736.701.273</u>
<b>Năm nay</b>						
Số đầu năm	306.133.290.000	152.617.941.416	(6.272.937.166)	400.000.000	155.858.407.023	608.736.701.273
Cổ tức công bố	-	-	-	-	(45.692.790.000)	(45.692.790.000)
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	64.779.052.064	64.779.052.064
Số cuối năm	<u>306.133.290.000</u>	<u>152.617.941.416</u>	<u>(6.272.937.166)</u>	<u>400.000.000</u>	<u>174.944.669.087</u>	<u>627.822.963.337</u>

Vào ngày 9 tháng 12 năm 2016, Công ty thông báo phát hành 9.138.558 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:3 (mỗi cổ đông nắm giữ 10 cổ phiếu nhận được 3 cổ phiếu phát hành thêm) từ thặng dư vốn cổ phần vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2016 số 02/04-2016/HĐCĐ-DGW ngày 26 tháng 4 năm 2016 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/11-2016/HĐQT-DGW ngày 21 tháng 11 năm 2016. Việc phát hành đã được hoàn thành vào ngày 10 tháng 1 năm 2017 với tổng số cổ phiếu phát hành thêm là 9.138.418 cổ phiếu với giá trị là 91.384.180.000 VND. Vào ngày 6 tháng 2 năm 2017, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 397.517.470.000 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**18.2 Cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Cổ tức đã trả trong năm</b>		
<i>Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông</i>		
Cổ tức đã trả bằng tiền	54.492.790.000	14.632.200.000
Cổ tức đã trả bằng cổ phiếu	-	70.296.600.000

**18.3 Cổ phiếu**

	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đã được duyệt	39.751.747	30.613.329
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	30.613.329	30.613.329
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.613.329	30.613.329
Cổ phiếu quỹ	(151.469)	(151.469)
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(151.469)	(151.469)
Cổ phiếu đang lưu hành	30.461.860	30.461.860
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	30.461.860	30.461.860

**19. DOANH THU**

**19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng doanh thu:</b>	<b>3.844.412.724.272</b>	<b>4.246.389.580.916</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	3.829.535.070.334	4.225.296.647.274
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	14.877.653.938	21.092.933.642
<b>Các khoản trừ doanh thu:</b>	<b>(43.836.052.485)</b>	<b>(43.033.836.352)</b>
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b>3.800.576.671.787</b>	<b>4.203.355.744.564</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng</i>	3.785.699.017.849	4.182.262.810.922
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	14.877.653.938	21.092.933.642

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**19. DOANH THU (tiếp theo)**

**19.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thanh toán	12.769.934.105	3.880.010.046
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.359.039.009	9.810.935.475
Lãi tiền gửi ngân hàng	906.701.372	423.098.929
Lãi từ hoạt động đầu tư chứng khoán	228.187.860	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>19.263.862.346</u></b>	<b><u>14.114.044.450</u></b>

**20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.555.309.386.192	3.922.406.143.877
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	4.505.628.333	16.483.211.693
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.559.815.014.525</u></b>	<b><u>3.938.889.355.570</u></b>

**21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Chi phí bán hàng</b>	<b>101.439.810.940</b>	<b>64.397.440.390</b>
Chi phí nhân công	54.190.096.196	36.692.825.645
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.713.830.297	14.468.311.047
Khác	36.535.884.447	13.236.303.698
<b>Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>53.216.446.890</b>	<b>45.180.658.342</b>
Chi phí nhân công	29.496.915.336	23.179.698.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.816.681.557	9.254.429.709
Khác	4.902.849.997	12.746.529.643
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>154.656.257.830</u></b>	<b><u>109.578.098.732</u></b>

**22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	22.795.497.881	23.133.793.052
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.509.057.214	10.366.817.004
Chiết khấu thanh toán	297.487.271	6.704.328.012
Khác	289.514.251	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>27.891.556.617</u></b>	<b><u>40.204.938.068</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**23. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Thu nhập khác</b>	<b>5.927.452.997</b>	<b>6.038.138.573</b>
Hỗ trợ từ nhà cung cấp	5.539.881.777	3.543.439.135
Thu từ thanh lý tài sản cố định	375.000.000	-
Khác	12.571.220	2.494.699.438
<b>Chi phí khác</b>	<b>(1.681.063.832)</b>	<b>(1.302.852.583)</b>
<b>LỢI NHUẬN KHÁC THUẬN</b>	<b>4.246.389.165</b>	<b>4.735.285.990</b>

**24. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Giá mua hàng hóa	3.559.815.014.525	3.947.433.330.705
Chi phí nhân công	83.687.011.532	59.872.524.635
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.530.511.854	23.722.740.756
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	4.003.934.985	3.251.675.859
Chi phí khác	37.434.799.459	15.119.951.621
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>3.714.471.272.355</b>	<b>4.049.400.223.576</b>

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") với mức thuế suất 20% lợi nhuận chịu thuế (năm 2015: 22%).

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**25.1 Chi phí thuế TNDN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	16.942.935.262	28.989.618.510
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	2.107.000	779.679.337
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>16.945.042.262</b>	<b>29.769.297.847</b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**25. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**25.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>81.724.094.326</b>	<b>133.532.682.634</b>
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty (2015: 22%)	16.344.818.865	29.377.190.179
<i>Các khoản điều chỉnh tăng (giảm):</i>		
Chi phí không được khấu trừ thuế	604.922.235	392.107.668
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(6.805.838)	-
Doanh thu đã tính vào thu nhập chịu thuế của năm trước	-	(779.679.337)
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong năm trước	2.107.000	779.679.337
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>16.945.042.262</b>	<b>29.769.297.847</b>

**25.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận kế toán được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc của kỳ kế toán năm.

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	VND	
			Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con	Mua dịch vụ	20.141.056.497	1.030.534.914
		Bán hàng hóa	503.255.903	-
Công ty TNHH Created Future	Nhà đầu tư	Cổ tức đã trả	25.960.000.000	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**26. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)**

Các khoản phải trả các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm như sau:

				VND	
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	
<b>Phải trả người bán ngắn hạn</b>					
Công ty TNHH Một thành viên 1 Digital Technology	Công ty con	Mua dịch vụ	2.061.190.303	700.603.944	
<b>Phải trả ngắn hạn khác</b>					
Công ty TNHH Created Future	Nhà đầu tư	Cổ tức phải trả	-	8.800.000.000	

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, ban kiểm soát và ban Giám đốc:

		VND	
		Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng		3.844.176.600	3.664.331.904

**27. CÁC CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

**27.1 Cam kết thuê hoạt động**

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả tối thiểu trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau

		VND	
		Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm		4.943.407.752	3.157.929.876
Từ 1 đến 5 năm		6.344.203.980	3.744.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>11.287.611.732</b>	<b>6.901.929.876</b>

**27.2 Cam kết góp vốn**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có khoản cam kết góp vốn như sau:

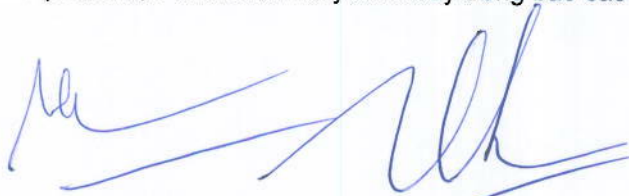
Công ty nhận đầu tư	Vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư	Cam kết góp vốn của Công ty		Vốn thực góp	Phần vốn cam kết còn phải góp
		Số tiền	%		
	VND	VND		VND	VND
Công ty TNHH Một thành viên Digiworld Venture	100.000.000.000	100.000.000.000	100	1.100.000.000	98.900.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

**28. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Vào ngày 9 tháng 12 năm 2016, Công ty thông báo phát hành 9.138.558 cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:3 (mỗi cổ đông nắm giữ 10 cổ phiếu nhận được 3 cổ phiếu phát hành thêm) từ thặng dư vốn cổ phần vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 theo Nghị Quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2016 số 02/04-2016/HĐCĐ-DGW ngày 26 tháng 4 năm 2016 và theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 02/11-2016/HĐQT-DGW ngày 21 tháng 11 năm 2016. Việc phát hành đã được hoàn thành vào ngày 10 tháng 1 năm 2017 với tổng số cổ phiếu phát hành thêm là 9.138.418 cổ phiếu với giá trị là 91.384.180.000 VND. Vào ngày 6 tháng 2 năm 2017, Công ty đã nhận được GCNĐKKD điều chỉnh lần thứ 18 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp phê duyệt việc tăng vốn điều lệ của Công ty lên 397.517.470.000 VND.

Không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Vũ Thị Mai Hân  
Người lập biểu

Võ Xuân Huy  
Kế toán trưởng



Đoàn Hồng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 27 tháng 3 năm 2017

